

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Phương**

2. Ông **Quàng Văn Minh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Khánh Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2024/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Hà Văn G** - Sinh năm 1962; Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Bà **Hà Kim N** - Sinh năm 1962; Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2023, Bản tự khai ngày 19/12/2023, 29/7/2024 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn ông Hà Văn G trình bày:

- Về hôn nhân: Ông G, bà N kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 1986 tại Công an huyện Đ nhưng do giấy kết hôn bị mất nên ngày 25/4/2017 ông bà đi đăng ký kết hôn lại lần hai tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của ông bà hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên

nhân là do ông bà khác nhau về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau, xung đột của hai vợ chồng đến nay quá lớn, không thể điều hòa được nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay và kinh tế của ông bà cũng độc lập từ đó cho đến nay. Tháng 02/2020 do mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng nên ông G đã gửi đơn xin ly hôn với bà N tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, nhưng sau đó vì nghĩ đến các con và muốn giữ gia đình nên ông G đã rút đơn xin ly hôn với bà N để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng kể từ đó cho đến nay vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng và ông bà cũng vẫn tiếp tục sống ly thân với nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay.

Bà N cho rằng bà bị bệnh trầm cảm từ năm 2015 đến nay, vì vậy ông G đề nghị Tòa án kéo dài thời hạn giải quyết vụ án ly hôn này, để tháng 02/2024, ông G sẽ làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố bà N bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Nếu bà N bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, ông G sẽ rút đơn ly hôn về chăm sóc bà N.

Tại bản tự khai ngày 29/7/2024 ông Hà Văn G trình bày: Về vấn đề bà N cho rằng bà bị bệnh trầm cảm, ông G đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên yêu cầu tuyên bố bà N là người có khó khăn về nhận thức làm chủ hành vi dân sự, nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết việc dân sự trên, bà N không đồng ý đi giám định sức khỏe và bà N đã có bản tự khai gửi Tòa án khẳng định cho đến nay bà N đã hoàn toàn ổn định về sức khỏe và vẫn làm chủ được hành vi, nhận thức hoàn toàn bình thường. Nay tình cảm của ông G đối với bà N không còn nữa, vì vậy ông G đề nghị Tòa án giải quyết cho ông G được ly hôn với bà N càng sớm càng tốt.

Tại phiên tòa ông G khẳng định bà N không bị bệnh trầm cảm, bà N đưa ra lý do như vậy để gây khó dễ cho ông G trong việc ly hôn.

- *Về con chung*: Ông G, bà N có 02 con chung là Hà Quỳnh N1, sinh năm: 1986 và Hà Thu Q, sinh năm: 1993. Hiện các cháu đều đã thành niên (trên 18 tuổi) và có khả năng lao động nên ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ*:

+ Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng: Ông G khai sẽ tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được ông G sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

+ Nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Ông G khai không có.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 12/01/2024 bị đơn bà Hà Kim N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà N và ông G kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu từ năm 1986, nhưng tại thời điểm đó ông bà không đi đăng ký kết hôn mà đến ngày 25/4/2017 ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng ông bà vẫn hòa thuận hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến nay, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Nay ông G có đơn xin ly hôn, bà N không nhất trí ly hôn vì bà vẫn còn tình cảm với

ông G và vẫn còn thương yêu ông G, hiện tại ông bà vẫn sống chung một nhà, vẫn đi du lịch với nhau và vì bị mắc bệnh trầm cảm nặng, thường xuyên phải điều trị tại viện tâm thần tỉnh Đ, đến nay chưa khỏi hẳn, bệnh lúc nặng lúc nhẹ, mất ngủ, lo âu và bệnh cao huyết áp tim mạch, u thận trái, sức khỏe ngày càng yếu, đi lại khó khăn phải có người bên cạnh. Con cái còn bận rộn với gia đình riêng nên bà N cần có chồng bên cạnh để dựa tuổi già yếu với nhau. Vì vậy, bà N đề nghị Tòa án hòa giải cho ông bà được đoàn tụ.

Bà N nhất trí với ý kiến của ông G về việc tháng 02/2024, bà sẽ đi trưng cầu giám định tâm thần để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án ly hôn.

- *Về con chung*: Bà N và ông G có 02 con chung là Hà Quỳnh N1, sinh năm: 1986 và Hà Thu Q, sinh năm: 1993. Hiện các cháu đều đã thành niên (trên 18 tuổi) và có khả năng lao động nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- *Về quan hệ tài sản và Công nợ*:

+ Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng: Chúng tôi tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được tôi sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

+ Nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Tại văn bản không có ngày tháng năm do Tòa án nhận ngày 01/02/2024 (BL: 57) bà N trình bày: Bà N là cán bộ trong ngành y lâu năm nên bà biết bà không bị mất năng lực hành vi dân sự, việc ông G yêu cầu Tòa án đi giám định sức khỏe cho bà N là không cần thiết. Bà N đã nộp những giấy tờ có bằng chứng về ông G đánh bài bạc và chơi gái mất rất nhiều tiền. Bà N cũng đã chịu đựng sống chung để gia đình con cái không mang tiếng bố mẹ bỏ nhau. Đến nay tuổi đã cao mong Tòa phán xét cho công bằng và hợp lý. Hiện tại bà N đang sống yên ổn, ông G cũng vậy không ai gây cản trở cho nhau. Nếu ai sai trái với đạo đức cho nhau gây thiệt hại gì người đó chịu trách nhiệm với pháp luật. Bà N không đồng ý đi giám định bệnh trên.

Tại Bản tự khai ngày 20/4/2024 (BL: 77) bà N trình bày: Vợ chồng ông G, bà N lấy nhau từ năm 1986, trong thời gian chung sống với nhau bà N đã bị ông G ngược đãi tệ bạc, nhưng vì con cái nên bà N vẫn chung sống chịu đựng và đã bị mắc bệnh trầm cảm nặng từ năm 2015 đến cuối năm 2023, bà N đã điều trị tại bệnh viện tâm thần cả nội trú và ngoại trú, có giấy tờ chứng minh bệnh tật kèm theo. Đến nay bà N đã điều trị bệnh ổn định, tư tưởng, sức khỏe hoàn toàn bình thường, vẫn làm chủ được hành vi dân sự, nhận thức hoàn toàn bình thường và không có khó khăn trong nhận thức, không cần người giám hộ. Bà N xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật nếu sai bà N xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên (BL: 76) ông Lò Văn K - Trưởng bản Pa Pe, xã T cho biết:

Ông G, bà N đến cư trú tại Bản P, xã T, huyện Đ vào khoảng đầu năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông K không biết, chỉ biết vợ chồng ông G, bà N sống ly thân với nhau từ khoảng giữa năm 2023 đến nay và đến tháng

10/2023 ông G có nộp đơn xin ly hôn với bà N tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên. Qua tiếp xúc hàng ngày trong thời gian gần đây, ông K thấy bà N không có biểu hiện bị bệnh trầm cảm.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vắng mặt không có lý do ở phiên hòa giải lần hai và phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G về việc ly hôn với bà Hà Kim N.

- Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hà Văn G.

* *Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm*: Đối với vi phạm của bị đơn làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Yêu cầu bị đơn thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Ly hôn giữa ông Hà Văn G và bà Hà Kim N, do bà N cư trú tại Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hà Kim N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng bà N vẫn không đến tham gia phiên hòa giải lần 2 và tham gia phiên tòa. Vì vậy, mà Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 16/8/2024 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định mở phiên tòa vào ngày 29/8/2024, nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Xét thấy, sự vắng mặt của bà N tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà N là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, ông G cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ cuối năm 2013 cho đến nay. Nguyên nhân là do ông bà khác nhau về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau, xung đột của hai vợ chồng đến nay quá lớn, không thể điều hòa được nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay và kinh tế của ông bà cũng độc lập từ đó cho đến nay. Bà N cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng ông bà vẫn hòa thuận hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì xảy ra kể từ khi kết hôn cho đến nay. Bà N không nhất trí ly hôn vì bà vẫn còn tình cảm với ông G và vì bị mắc bệnh trầm cảm nặng, mất ngủ, lo âu và bệnh cao huyết áp tim mạch, u thận trái, sức khỏe ngày càng yếu, đi lại khó khăn cần phải có người bên cạnh chăm sóc.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà N cho rằng bà bị bệnh trầm cảm, ông G đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tuyên bố bà N là người có khó khăn về nhận thức làm chủ hành vi dân sự, nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết việc dân sự trên, bà N không đồng ý đi giám định sức khỏe và bà N cũng đã có bản tự khai gửi Tòa án khẳng định cho đến nay bà N đã hoàn toàn ổn định về sức khỏe và vẫn làm chủ được hành vi, nhận thức hoàn toàn bình thường. Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên (BL: 76) ông Lò Văn K - Trưởng bản Pa Pe, xã T cho biết: Trong thời gian gần đây qua tiếp xúc hàng ngày ông K thấy bà N không có biểu hiện bị bệnh trầm cảm.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà N có đến tham gia phiên hòa giải lần thứ nhất nhưng sau đó bà N không đến tham gia phiên hòa giải lần thứ hai và cũng không đến tham phiên tòa ngày 16/8/2024 và phiên tòa ngày hôm nay để bảo vệ quan điểm đã trình bày của mình, điều đó đã thể hiện bà N chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, tại lời khai của bà N (BL: 57) chính bà N cũng thừa nhận bà đã cố gắng chịu đựng sống chung với ông G chỉ để cho gia đình con cái không bị mang tiếng là bố mẹ bỏ nhau. Còn ông G do mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng nên tháng 02/2020 ông G đã gửi đơn xin ly hôn với bà N tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, nhưng sau đó vì nghĩ đến các con và muốn giữ gia đình nên ông G đã rút đơn xin ly hôn với bà N để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng kể từ đó cho đến nay vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng và ông bà cũng vẫn tiếp tục sống ly thân với nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay. Vì vậy mà ông G vẫn tiếp tục gửi đơn xin ly hôn với bà N. Bà N không thừa nhận là ông bà đã sống ly thân với nhau, còn ông G khai ông bà sống ly thân với nhau từ năm 2013, xét thấy lời khai của ông G là có căn cứ và phù hợp với Biên bản xác minh ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên (BL: 76).

Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của ông G và bà N vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông G và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã kéo dài nhiều năm nay, ông G đã hai lần gửi đơn xin ly hôn và cũng đã cố gắng tiếp tục chung sống với bà N để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay ông G tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn càng sớm càng tốt vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng và vì tình cảm của ông G với bà N không còn. Do vậy, cần xử cho ông G được ly hôn với bà N là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*) *Về con chung*: Bà N và ông G có 02 con chung là Hà Quỳnh N1, sinh năm: 1986 và Hà Thu Q, sinh năm: 1993. Hiện các cháu đều đã thành niên (trên 18 tuổi) và có khả năng lao động nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

*) *Về quan hệ tài sản và công nợ*:

+ Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng: Các đương sự tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự khai Không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*) *Về án phí*: Ông Hà Văn G là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hà Văn G theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự.

1. Về hôn nhân: Ông Hà Văn G được ly hôn với bà Hà Kim N.

2. Về con chung: Ông Hà Văn G và bà Hà Kim N có 02 con chung là Hà Quỳnh N1, sinh năm: 1986 và Hà Thu Q, sinh năm: 1993. Hiện các cháu đều đã thành niên (trên 18 tuổi) và có khả năng lao động nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ:

+ Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hà Văn G.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự Ông Hà Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/8/2024). Bà Hà Kim N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND phường Mường Thanh, TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyền

